

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý 686/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2023, giữa:

- **Nguyên đơn: Chị Cao Thị B**, sinh năm 1991; HKTT: Thôn X, xã C, huyện A, thành phố Hà Nội.

- **Bị đơn: Anh Vi Duy N**, sinh năm 1988; HKTT: Thôn X, xã C, huyện A, thành phố Hà Nội; Nơi làm việc: Công ty TNHH M – Trụ sở: Phường C, quận M, thành phố Hà Nội.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Ông **Trần Minh P**, sinh năm 1974 và bà **Bùi Thị Xuân Y**, sinh năm 1973; Cùng HKTT: Phường C, quận X, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 12 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 12 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Cao Thị B và anh Vi Duy N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* *Về con chung:* Chị Cao Thị B và anh Vi Duy N có 03 con chung là cháu Vi Ngọc H – SN: 07/09/2018; Cháu Vi Nhật T – SN: 20/05/2021 và cháu Vi Đức Z – SN: 15/05/2023.

Giao con chung là Vi Nhật T cho anh Vi Duy N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Giao con chung là Vi Ngọc H và Vi Đức Z cho chị Cao Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

** Về tài sản là động sản:* Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Về tài sản là bất động sản:* Ghi nhận sự thỏa thuận và thống nhất của các bên, cụ thể như sau:

Trong thời kì hôn nhân, anh Vi Duy N và chị Cao Thị B có 03 mảnh đất:

1. Mảnh đất có diện tích 120m² xây dựng nhà cấp 4 tại Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 48, địa chỉ tại Thôn X, xã C, huyện A, thành phố Hà Nội. Theo giấy xác nhận đăng ký đất đai số 14793/GXN-VPĐKĐĐ do Văn phòng đăng ký đất đai huyện A, thành phố Hà Nội cấp ngày 28/09/2017. Đến ngày 05/12/2019, anh Vi Duy N và Cao Thị B đã lập vi bằng chuyển nhượng toàn bộ nhà đất trên cho ông Trần Minh P - SN: 24/12/1974 và bà Bùi Thị Xuân Y - SN: 28/09/1973; Cả hai cùng trú tại: Phường C, quận X, thành phố Hà Nội. Do Văn phòng thừa phát lại Thủ Đô lập và ghi nhận sự thỏa thuận của hai bên. Anh N, chị B đã nhận đủ tiền và bàn giao toàn bộ giấy tờ nhà đất và bàn giao nhà cho ông P và bà Y. Ông Trần Minh P và bà Bùi Thị Xuân Y có toàn quyền sở hữu và sử dụng nhà đất nêu trên. Anh N, chị B không có ý kiến thắc mắc gì.

2. 02 mảnh đất có nhà cấp 4 mua lại của ông Ngô Tự M và bà Nguyễn Thị Thúy H vào ngày 26/09/2019 được thể hiện tại quyết định số 465/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hà Nội. Hai mảnh đất trên anh N, chị B đã được Văn phòng đăng ký đất đai huyện A cấp Giấy xác nhận đăng ký đất đai số 15795/GXN-VPĐKĐĐ ngày 31/08/2020 theo thửa số 32(2), tờ bản đồ số 53 với diện tích 468m² trên có nhà cấp 4 tại thôn X, xã C, huyện A, thành phố Hà Nội đứng tên tôi là Vi Duy N; Giấy xác nhận đăng ký đất đai số 15796/GXN-VPĐKĐĐ ngày 31/8/2020 theo thửa số 32(3), tờ bản đồ số 53 với diện tích 752,5m² trên có nhà cấp 4 tại thôn X, xã C, huyện A, thành phố Hà Nội đứng tên chị Cao Thị B. Anh N, chị B thỏa thuận về nhà đất như sau:

2.1. Anh Vi Duy N có toàn quyền sở hữu và sử dụng 468m² đất trên có nhà cấp 4 với diện tích 30m² nhà đất tại thôn X, xã C, huyện A, thành phố Hà Nội. Theo giấy xác nhận đăng ký đất đai số 15795/GXN-VPĐKĐĐ ngày 31/8/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai huyện A, thành phố Hà Nội, có các mặt tiếp giáp cụ thể:

- Phía Bắc giáp đường đi.
- Phía Tây giáp nhà ông Nguyễn Văn N.
- Phía Nam giáp đê sông Đuống.

- Phía Đông giáp đất nhà anh Ngô Tự M.

2.2. Chị Cao Thị B được toàn quyền sở hữu và sử dụng 752,5m² đất trên có nhà cấp 4 với diện tích 30m² nhà đất tại thôn X, xã C, huyện A, thành phố Hà Nội. Theo giấy xác nhận đăng ký đất đai số 15796/GXN-VPĐKĐĐ ngày 31/8/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai huyện A, thành phố Hà Nội, có các mặt tiếp giáp cụ thể:

- Phía Bắc giáp đường đi.

- Phía Tây giáp nhà anh Ngô Tự M.

- Phía Nam giáp đê sông Đuống.

- Phía Đông giáp đất nhà bà Y.

Các bên cam kết việc thỏa thuận này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hoặc ép buộc và thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thỏa thuận đã ghi trong Biên bản này.

**Về công nợ:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Về án phí:* Chị Cao Thị B phải chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí chị B đã nộp theo biên lai thu số 0004539 ngày 09 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Trả lại cho chị Cao Thị B số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND. Thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Ba Đình;
- UBND phường đã ĐKKH;
- Chi cục THADS quận Ba Đình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thanh Thủy